TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNST
Ngày: 24/01/2018
Về việc: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/Ông Nguyễn Văn Thắng;

2/Ông Phan Trường Khoa;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham dự phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2017/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐST-HN ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Phạm Thị D, sinh năm 1991. Địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1982. Tạm trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Do hai bên tự tìm hiểu, quen biết, chị với anh Q đi đến hôn nhân vào năm 2011 nhưng không có tổ chức lễ cưới theo phong tục và cũng không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung với nhau, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: có một người tên Phạm Văn H, sinh ngày 16/3/2015, hiện đang sống với anh Q.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung phải thu, phải trả: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chúng tôi.

Nay, về hôn nhân chị xin được ly hôn. Về con chung: chị đồng ý cho anh Q được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về số nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phan Văn Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị D về thời điểm hai bên xác lập quan hệ hôn nhân và về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng:Trong cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, cô D không quan tâm đến cuộc sống gia đình, hằng ngày bỏ nhà đi từ sáng đi đến tối mới về. Sự việc xảy ra 06 tháng nay và trong khoản 03 tháng nay thì bỏ nhà ra đi cho đến nay không có trở về nhà nữa. Anh có nhiều lần khuyên răng nhưng cô D vẫn không sữa đỗi tính tình. Sự việc này hai bên gia đình đều biết, có khuyên răng nhưng cô D vẫn không sữa đỗi.

Nay, Về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn; Về con chung: anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ nào khác.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt hợp lệ, đầy đủ cho các đương sự và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Áp dụng các điều điều 9, 14, 15, 16, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, điều 28, điều 35, điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Phạm Thị D và anh Phan Văn Q là vợ chồng; *về con chung, cấp dưỡng nuôi con*: Giao cháu Phạm Văn H, sinh ngày 16/3/2015 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, Anh Q không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét. *Về án phí*: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ trường hợp không nộp, miễn nộp theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị D và anh Phan Văn Q xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011. Hôn nhân đến nay, không có đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân gia đình quy định nên hôn nhân giữa chị D và anh Q là không hợp pháp.

Qúa trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Anh Q thừa nhận chị D không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ nhà ra đi, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng trầm trọng và hai người đã sống ly thân với nhau khoảng 03 tháng nay. Nay hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị D xin ly hôn, anh Q cũng đồng ý ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng Hôn nhân giữa chị D và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, Hôn nhân giữa chị D với anh Q không có đăng ký kết hôn nên chị D xin ly hôn là chưa phù hợp vì Luật hôn nhân và gia đình qui định nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, tại điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình qui định trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì không công nhận là quan hệ vợ chồng, hôn nhân giữa chị D và anh Q đến nay chưa đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] **Về con chung:** có một người tên Phạm Văn H, sinh ngày 16/3/2015, hiện đang sống với anh Q, mặc dù bé H đến nay chưa tròn 36 tháng tuổi nhưng chị D và anh Q tự nguyện thỏa thuận: Anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giao dục con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặc và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét về điều kiện và thu nhập của anh Q trong cuộc sống ổn định, đảm bảo nuôi dưỡng con trong cuộc sống, hơn nữa bé H sống chung với anh Q và anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé H trong thời gian hai người sống ly thân với nhau, cuộc sống của cháu và điều kiện chăm sóc con của anh Q đã ổn định, nếu giao cháu H cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ làm thay đỗi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu H nên có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận của chị D, anh Q giao cháu H cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên công nhận cho anh Q được trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Văn H là phù hợp với điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về tài sản chung:** Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] ***Về nợ chung***: không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết

[5] **Về án phí:** Chị D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 8, 9, 14, điều 53, 58, điều 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D.

1/**Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận chị Phạm Thị D với anh Phan Văn Q là vợ chồng.

2/**Về con chung**: Anh Phan Văn Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Văn H, sinh ngày 16/3/2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

*3/**Về cấp dưỡng nuôi con***: anh Q chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

4/***Về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả***: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5/**Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0014441 ngày 21/12/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị D đã nộp đủ án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

(*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND tỉnh, huyện;
-Chi cục Thi hành án;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.